TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/DS-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thanh Niềm
2. Ông Phan Quốc Toàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng***: Ông Huỳnh Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS, ngày 20/08/2024 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 06/2024/TB-TA ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Bích Th, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Khoa, Trợ giúp viên pháp lý, do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang cử (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Bích Th trình bày:

Năm 1997 bà Huỳnh Bích Th và ông Nguyễn Văn Tr đều là tổ trưởng tổ vay

vốn của Ngân hàng nông nghiệp Vĩnh Thuận (bà Thvà ông Tr là 02 tổ riêng). Trong thời gian làm tổ trưởng, bà Th có nhờ ông Tr thu giùm tiền lãi của các tổ viên là 4.700.000 đồng, sau khi thu tiền ông Tr không giao lại cho bà Thmà chiếm dụng tiêu xài nên khi đến hạn bà Thphải bỏ tiền ra để đóng lãi cho Ngân hàng. Đến năm 1998 bà Thlấy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây viết tắt là QSD) đất của ông Nguyễn Phước Hoàng và ông Nguyễn Hoàng Nam đưa cho ông Tr để nhờ ông Tr vay giùm cho bà Thđược 10.000.000 đồng (vay trong tổ của ông Tr), nhưng sau đó ông Tr không đưa lại cho bà Thmà lấy tiêu xài. Cũng trong thời gian này Ngân hàng nông nghiệp huyện Vĩnh Thuận có chủ trương cho nông dân vay vốn để làm sân phơi lúa, bà Thlàm tổ trưởng có đứng ra đại diện vay được cho 15 hộ dân, mỗi hộ là 2.500.000 đồng. Sau khi vay về thì bà Thchia lại cho ông Tr số tiền vay của 03 hộ là 7.500.000 đồng, tiền lãi 06 tháng là 810.000 đồng. Ngoài ra, ông Tr có lấy 02 giấy chứng nhận QSD đất của 02 tổ viên (trong tổ của ông Tr) là ông Đoàn và ông Đang đưa cho bà Thnhờ vay giùm cho ông Tr được 7.000.000 đồng, tiền lãi là 872.000 đồng. Sau đó ông Đoàn và ông Đang đến đòi ông Tr trả giấy chứng nhận QSD đất thì ông Tr nói là bà Thlấy bằng khoán của ông Đoàn và ông Đang đi vay, nên ông Đoàn và ông Đang mới đến yêu cầu bà Thphải trả lại giấy chứng nhận QSD đất, do sợ mất uy tín nên bà Thmới đứng ra chuộc lại 02 giấy chứng nhận QSD đất về trả cho ông Đoàn và ông Đang. Như vậy, ông Tr thiếu bà Thtổng cộng là 30.882.000 đồng. Do ông Tr không trả nợ cho bà Thnên đến năm 2001 bà Thcó làm khởi kiện ông Tr đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận. Vụ án được Tòa án huyện Vĩnh Thuận giải quyết vào ngày 13/11/2001 nhưng không thỏa đáng nên bà Thđã làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 161/DSPT, ngày 26/9/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã hủy bản án dân sự sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết lại theo thủ tục chung. Ngày 10/02/2002 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết lại vụ án, tuy nhiên đến ngày 28/7/2005 Tòa án huyện Vĩnh Thuận ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với lý do bà Thkhông có mặt ở địa phương. Do bận đi làm ăn xa, nên đến năm 2014 bà Thmới nộp đơn khởi kiện lại ông Tr, do chờ đợi khá lâu không thấy Tòa án thụ lý giải quyết nên đến năm 2021 bà Thlại tiếp tục nộp đơn khởi kiện ông Tr đến Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng (vì lúc này địa chỉ cư trú của ông Tr là thuộc huyện U Minh Thượng). Sau đó vụ án được Tòa án huyện U Minh Thượng thụ lý giải quyết. Nay bà Thyêu cầu ông Tr phải trả lại cho bà Thsố tiền còn nợ là 30.882.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định pháp

luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 08/12/2021; Bản án sơ thẩm số 78/DSST ngày 13/11/2001 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận; Bản án phúc thẩm số 161/DSPT ngày 26/09/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 10/QĐ-TĐC ngày 28/7/2005 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận; Biên bản hòa giải ngày 17/02/2014 tại Trụ sở ấp Minh Thành; Đơn xin xác nhận nơi cư trú ông Nguyễn Văn Tr; Giấy chứng nhận QSD đất tên Nguyễn Phước Hoàng (phô tô); Bản sao Khế ước vay tiền ngày 20/01/1997 của hộ bà Huỳnh Bích Th; Biên nhận ngày 30/01/1997 có nội dung ông Nguyễn Văn Tr nhận của ông Đào Văn Đoàn số tiền 2.500.000 đồng; Biên nhận ngày 30/01/1997 có nội dung ông Nguyễn Văn Tr nhận của ông Võ Văn Đang số tiền 2.500.000 đồng; Trích lục khai tử của ông Nguyễn Phước Hoàng.

Tài liệu bị đơn cung cấp: Không có.

Tài liệu chứng cứ, do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai bà Huỳnh Bích Th ngày 19/07/2024; Tài liệu trong hồ sơ tranh chấp giữa bà Huỳnh Bích Th với ông Nguyễn Văn Tr do Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc *chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Bích Th thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Tr nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông Tr đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày; Đồng thời từ chối nhận tất các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt với lý do vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận giải quyết xong. Ông Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vẫn vắng

mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Tr phải có nghĩa vụ trả cho bà Thsố tiền còn thiếu là 17.000.000 đồng đã được ông Tr thừa nhận tại Bản án dân sự phúc thẩm số 161/DSPT ngày 26/9/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và lãi suất chậm thanh toán. Đối với các khoản nợ khác bà Thkhông có chứng cứ để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Tr cũng không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Huỳnh Bích Th với bị đơn ông Nguyễn Văn Tr là tranh chấp kiện đòi tài sản. Cụ thể theo đơn khởi kiện bà Thcho rằng trong thời gian từ năm 1997-1998 ông Tr và bà Thđều là tổ trưởng tố vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp huyện Vĩnh Thuận, trong thời gian này ông Tr có thu tiền lãi của các tổ viên giùm cho bà Thnhưng không đưa lại cho bà Thmà chiếm dụng tiêu xài, nên khi đến hạn trả Ngân hàng bà Thphải bỏ tiền ra đóng lãi cho các tổ viên, đồng thời ông Tr có đưa giấy chứng nhận QSD đất nhờ bà Thvay tiền giùm nhưng khi đến hạn không trả, bà Thphải bỏ tiền ra để chuộc lại giấy chứng nhận QSD đất trả lại cho các tổ viên và có lấy tiền vay làm sân phơi lúa của 03 hộ dân chia lại cho ông Tr xài nhưng sau đó ông Tr cũng không trả, bà Thphải bỏ tiền ra trả số tiền này. Tổng số tiền ông Tr nợ bà Thlà 30.882.000 đồng. Nay bà Thyêu cầu ông Tr phải trả lại số tiền là 30.882.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định pháp luật.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Bích Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Tr phải trả lại cho bà Thsố tiền là 30.882.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 26/9/2002 đến ngày 30/12/2020.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì tại bản án dân sự phúc thẩm số 161/DSPT ngày 26/9/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang ông Tr cũng thừa nhận là có thiếu tiền bà Thủy, trong quá trình giải quyết vụ án ông Tr

cũng không có ý kiến phản bác đối với số nợ bà Thyêu cầu, vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà Ththeo đơn khởi kiện là có căn cứ.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn Tr được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời cũng từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án với lý do vụ án của ông Tr với bà Thtrước đây đã được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận giải quyết xong nên ông Tr không đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt triệu tập để hòa giải và xét xử.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nhận thấy: Trong thời gian từ năm 1997 đến năm 1998 bà Thvà ông Tr đều làm tổ trưởng tổ vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp huyện Vĩnh Thuận, trong thời gian này bà Thvà ông Tr có đứng ra đại diện tổ vay vốn để vay tiền của Ngân hàng, sau khi vay tiền về thì bà Thvà ông Tr không giao đúng cho các tổ viên mà tự ý giao tiền, cho mượn qua lại lẫn nhau, dẫn đến việc thanh toán không rõ ràng nên phát sinh tranh chấp. Bà Thcho rằng có bỏ tiền ra để đóng lãi và trả nợ cho Ngân hàng thay cho ông Tr nên sau đó ông Tr có thừa nhận còn nợ lại bà Thsố tiền là 30.882.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận, mà chỉ nói bằng miệng.

Xét việc bà Thcho rằng ông Tr còn nợ bà Thsố tiền 30.882.000 đồng nhưng lại không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông Tr còn nợ bà Thsố tiền là bao nhiêu. Tuy nhiên, căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ tranh chấp giữa bà Thvới ông Tr do Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận cung cấp nhận thấy: Tranh chấp giữa bà Thvà ông Tr trước đây đã được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết và đưa ra xét xử vào ngày 13/11/2001. Theo quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Tr trả cho bà Thsố tiền còn thiếu là 13.081.200 đồng. Sau khi xét xử bà Thvà ông Tr không đồng ý với bản án sơ thẩm và đều làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 161/DSPT ngày 26/9/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận định như sau:

"Tại phiên tòa ngày 19/7/2002 ông Tr xác định có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng ông Nam vào tổ bà Thvay 10.000.000 đồng nhưng ông đã trả cho ông Tuấn. Ông Tr cũng thừa nhận có thế chấp giấy chứng nhận QSD đất ông Đoàn, ông Đang vay 7.000.000 đồng nhưng ông đã trả bà Thủy, nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Lẽ ra cải sửa án sơ thẩm buộc

ông Tr trả bà Th2 khoản nợ trên, còn phần nợ 66.600.000 đồng bà Thkhởi kiện bằng vụ kiện khác. Nhưng cấp phúc thẩm án tuyên là có hiệu lực nên cải sửa theo hướng trên sẽ làm mất quyền kháng cáo của các đương sự, do vậy không thể cải sửa án sơ thẩm được. Cấp sơ thẩm xử không đúng yêu cầu của nguyên đơn, buộc thanh toán không đúng mối quan hệ vay nợ. Sai sót này vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Ngoài ra tòa sơ thẩm thụ lý vụ kiện không có đơn yêu cầu của đương sự đến tòa, không đóng tạm ứng án phí sơ thẩm, vi phạm điều 31 và 34 pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự. Nghĩ nên huy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 78/DSST ngày 13/11/2001 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại. Ông Tr đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên tòa xét xử vắng mặt".

Đến ngày 10/02/2002 Tòa án huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết lại vụ án, nhưng đến ngày 28/7/2005 Tòa án huyện Vĩnh Thuận đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn được triệu tập không còn ở địa phương. Đến ngày 08/12/2021 Tòa án huyện U Minh Thượng nhận được đơn khởi kiện của bà Thvà thụ lý giải quyết lại vụ án theo thẩm quyền (do địa chỉ cư trú ông Tr hiện nay thuộc huyện U Minh Thượng).

Theo nội dung của bản án dân sự phúc thẩm số 161/DSPT ngày 26/9/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thì ông Tr chỉ thừa nhận còn thiếu bà Th02 khoản nợ với tổng số tiền là 17.000.000 đồng, ngoài ra không thừa các khoản nợ khác, bà Thkhông có chứng cứ gì để chứng minh ông Tr còn nợ bà Thnhững khoản tiền khác (tiền lãi thu của các tổ viên là 4.700.000 đồng, tiền vay làm sân phơi lúa của 03 hộ dân là 7.500.000 đồng, các khoản tiền lãi bà Thđã đóng thay cho ông Tr) như bà Thtrình bày. Vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Tr phải trả cho bà Thsố tiền là 17.000.000 đồng.

Xét về lãi suất: Tại phiên tòa bà Thyêu cầu ông Tr phải trả cho bà Thtiền lãi đối với số tiền còn thiếu do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/9/2002 (ngày xét xử phúc thẩm trước đây ông Tr thừa nhận nợ) đến ngày 30/12/2020. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại bản án phúc thẩm số 161/DSPT ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận định ông Tr thừa nhận có nợ bà Th02 khoản nợ với tổng số tiền là 17.000.000 đồng, nhưng từ đó đến nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Thủy, vì vậy bà Thyêu cầu ông Tr phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do giao dịch giữa bà Thủy, ông Tr đã thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực và có tranh chấp nên căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 668 Bộ luật dân sự 2015 Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 quy định: "*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán"*.

Tại Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (tức là 0.75%/tháng). Như vậy, số tiền lãi của số tiền 17.000.000 đồng từ 26/9/2002 đến 30/12/2020 là 17.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 219 tháng 4 ngày = 27.939.500 đồng. Tổng cộng số gốc và lãi ông Tr phải trả cho bà Thlà 44.939.500 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thđối với ông Tr về việc yêu cầu trả số tiền là 30.882.000 đồng – 17.000.000 đồng = 13.882.000 đồng (mười ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng).

[4]. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn Tr phải chịu tiền án phí là 44.939.500 đồng x 5% = 2.246.975 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng).

Bà Huỳnh Bích Th phải chịu tiền án phí đối với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 13.882.000 đồng x 5% = 694.000 đồng (sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Tuy nhiên, khi nộp đơn khởi kiện bà Huỳnh Bích Th đã có đơn xin miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí vì thuộc đối tượng người cao tuổi và người có công với cách mạng. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Huỳnh Bích Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 169, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 668 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 91, điểm b khoản 2

Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Bích Th đối với ông Nguyễn Văn Tr về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Tr phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Bích Th số tiền là 44.939.500 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Bích Th đối với ông Nguyễn Văn Tr đối với số tiền là 13.882.000 đồng (mười ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng).

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Tr phải chịu tiền án phí là 2.246.975 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng).

Nguyên đơn bà Huỳnh Bích Th phải chịu tiền án phí đối với số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 694.000 đồng (sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Nhưng do bà Huỳnh Bích Th có đơn xin miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí khi nộp đơn khởi kiện do thuộc đối tượng người có công với cách mạng và người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Huỳnh Bích Th.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;

- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;

- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh